

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:199/2022/DS-PT

Ngày: 08-11-2022

V/v: “Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Thẩm phán: Ông Cao Minh Lễ

Bà Trần Thị Thúy Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mộng Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số:133/2022/TLPT-DS ngày 26 tháng 7 năm 2022; về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số:108/2022/DS-ST ngày 03 tháng 6 năm 2022, của Toà án nhân dân huyện PT bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 174/2022/QĐPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bạch T, sinh năm 1955; nơi cư trú: số Khóm BT2, phường BK, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị Bạch T: Ông Lê Hữu Ngh, sinh năm 1983; nơi cư trú: T2, xã TT, huyện PT, tỉnh An Giang; (có mặt)

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1959; nơi cư trú: ấp PQ, xã PA, huyện PT, tỉnh An Giang làm đại diện. (vắng mặt)

2. *Bị đơn:*

2.1 Ông Bùi Quan V, sinh năm 1977 (có mặt)

2.2 Bà Võ Thùy D, sinh năm 1978. (có mặt)

Cùng cư trú: ấp T2, xã TT, huyện PT, tỉnh An Giang.

3. *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Huỳnh Trọng Thúy U, sinh năm 1979; cư trú: ấp T1(nay là khóm T1), thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

3.2. Bà Huỳnh Thị Thuý B, sinh năm 1956; cư trú: ấp T1 (nay là khóm T1), thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang. (đề nghị vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa ông Lê Hữu Ngh đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Bạch T trình bày: Nguyên trước đây do mối quan hệ bạn bè giữa con bà T tên Huỳnh Trọng Thúy U với bà Võ Thùy D nên vào ngày 08/11/2018 (tức vào ngày 14/12/2018) có cho vợ chồng Võ Thùy D và Bùi Quan V vay số tiền vốn là 190.000.000 đồng, có làm tờ biên nhận do bà D ký tên, trong tờ biên nhận ghi thỏa thuận lãi suất theo Ngân hàng các bên thống nhất tương đương mức lãi suất là 1%/tháng. Sau khi vay phía bà D đóng lãi được 01 tháng với số tiền là 2.000.000 đồng (làm tròn) do bà U đưa cho bà T, sau đó ngưng trả lãi và cũng không trả vốn gì hết đến ngày 12/7/2021 bà T cùng với đứa con tên U đến gặp bà Võ Thùy D yêu cầu trả nợ thì xảy ra xô xát với nhau, bà Võ Thùy D giật lấy tờ biên nhận rồi xé bỏ nhưng sau đó được ban ấp T2, xã TT mời làm việc thì bà D có làm lại tờ biên nhận xác định còn nợ của bà T số tiền 190.000.000 đồng và cho đến nay cũng không trả gì số tiền vốn và lãi suất theo thỏa thuận.

Nay bà T yêu cầu bà Võ Thùy D và ông Bùi Quan V cùng liên đới chịu trách nhiệm trả số tiền vốn vay là 190.000.000 đồng và lãi suất theo thỏa thuận 1%/tháng kể từ ngày 14/01/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Yêu cầu duy trì áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời về “*phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ*” đối với tài sản của ông Bùi Quan V và bà Võ Thùy D để đảm bảo thi hành án sau này. Ngoài ra không yêu cầu nào khác.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Võ Thùy D trình bày: Nguyên trước đây vào ngày 27/10/2016 bà có vay tiền vốn của bà Huỳnh Trọng Thúy U số tiền 170.000.000 đồng, bà U kêu ghi biên nhận là tên Thúy B vì chỗ bạn bè thân nên ghi biên nhận như lời bà Thúy U kêu.

Vào ngày 19/01/2017 bà vay thêm của bà Thúy U số tiền 20.000.000 đồng, tổng cộng số tiền 190.000.000 đồng, cũng ghi biên nhận bà Thúy B, đóng lãi hàng tháng với mức lãi suất từ 2,5% đến 3%/tháng. Đến ngày 06/7/2017 có nhờ bà U hốt hụi dùm vào ngày 08/8/2017 với số tiền là 109.704.000 đồng từ chủ hụi và điện thoại cho bà lên tính lại số tiền vay. Bà U đã lấy số tiền hụi là 109.000.000 đồng trừ vào số tiền vốn vay 190.000.000 đồng còn lại số tiền 81.000.000 đồng (việc trừ giữa tiền hụi với tiền vay chỉ thỏa thuận bằng miệng không có giấy tờ gì do bà U nói chưa đóng xong hụi nên không chịu đổi biên nhận vì ở trong thế bị động và thấy số tiền phải đóng lại rất cao và thời gian dài); phía bà U chỉ đưa cho bà số tiền hụi còn lại là 704.000 đồng và giấy giao hụi kèm theo với danh sách hụi để theo dõi đóng hụi hàng tháng. Vì tin tưởng bạn bè nên giao cho bà U giữ biên nhận chưa khấu trừ, đến ngày 08/8/2017 bà chỉ đóng lãi cho bà U trên số tiền 81.000.000 đồng

với lãi suất 3%/tháng. Đến ngày 08/11/2018 bà U với bà ngồi ở quán nước có nói mẹ ruột là bà T đã đứng ra trả số tiền này cho bà Thúy B từ lâu và bà Thúy B lạc mất biên nhận vay nên kêu tôi ghi lại biên nhận cho mẹ của bà U nên tin bạn vẫn ghi lại biên nhận với mẹ bà U là bà Nguyễn Thị Bạch T với y nguyên số tiền là 190.000.000 đồng, nói là ghi lại khi nào đóng hết hụi sẽ tính lại phần hụi đã trả, do không nghi ngờ gì với lại đang ở thế bị động vì đến đáo hạn Ngân hàng còn phải nhờ bạn. Mọi giao dịch giữa đôi bên không có mặt ai chứng kiến, không có giấy tờ gì chứng minh.

Theo giấy hụi thì đóng đến hết tháng 12/2018 là kết thúc, nhưng do em gái vợ nợ lấy mất số tiền lớn nên kinh tế kiệt huệ, kéo dài thời gian đóng hụi đến tháng 12/2020 mới đóng xong hụi và ngưng đóng lãi hoàn toàn số tiền vay nên không đổi lại được biên nhận nợ. Bà D cũng thừa nhận đồng ý trả số tiền nợ của bà T là 190.000.000 đồng theo biên nhận đã ký tên và khấu trừ lãi suất đã đóng chênh lệch với mức lãi suất theo quy định. Trách nhiệm chỉ bà chịu chứ ông V chồng bà không biết nên không cùng chịu trách nhiệm trả nợ cho bà T như yêu cầu của bà T. Ngoài ra không có thỏa thuận nào khác.

Bị đơn ông Bùi Quan V trình bày: việc vay mượn tiền của vợ tên Võ Thùy D với bà T, bà U và bà Thúy B thì ông không biết, nếu biết thì không đề xảy ra chuyện này, khi 02 bên cự cãi nhau tại nhà bà U mới nghe nói về số tiền mượn này, số tiền của bà D mượn sử dụng như thế nào thì ông không biết, việc bà T nói lấy tiền để xây dựng nhà thì không có khi sửa nhà của gia đình trước ngày mượn số tiền của bà T, khi xây dựng nhà thì vợ chồng cùng nhau bỏ tiền ra xây dựng. Nay không có trách nhiệm gì đối với yêu cầu của bà T, tài sản bị kê biên thì là của vợ chồng, còn bà D nợ bà T thì có trách nhiệm trả nợ còn ông thì không có trách nhiệm gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Trọng Thúy U trình bày: bà với bà D là chỗ bạn thân với nhau nên trước đây bà D có nhờ bà vay mượn tiền nhiều lần của bà Huỳnh Thị Thúy B (cô ruột của bà Uyên), các lần mượn tiền bà D ghi biên nhận cho bà Thúy B, mức lãi suất thỏa thuận khoảng 2% đến 3%/tháng và bà D đã đóng lãi đầy đủ cho bà Thúy B cho đến ngày 8/11/2018 do cô ruột tên Thúy B kêu đòi tiền lại, nhưng bà D không có khả năng trả ngay, nên bà U mới hỏi tiền của mẹ ruột tên Nguyễn Thị Bạch T đưa ra số tiền vốn 190.000.000 đồng để trả số tiền cho bà Thúy B và lấy tờ biên nhận nợ của bà Thúy B lại, sau đó bà D mới ghi lại tờ biên nhận vay số tiền cho bà T, có thỏa thuận mức tiền lãi suất theo Ngân hàng và đã xé tờ biên nhận cũ đối với bà Thúy B trước mặt bà D; nhưng bà D chỉ thực hiện đóng lãi cho bà T được 01 tháng với số tiền 2.000.000 đồng (số làm tròn). Thời gian sau bà D không đóng lãi nên có kêu bà D ghi lại biên nhận nợ số tiền 190.000.000 đồng và lãi là 60.000.000 đồng, tổng cộng số tiền 250.000.000 đồng; nhưng hẹn vào ngày 09/7/2021 sẽ ghi lại biên nhận, khi bà D đến nhà bà U có đưa cho xem lại 03 tờ biên nhận cũ; để chứng minh không có ăn gian số tiền 70.000.000 đồng như lời bà D nói, ngày lúc đó bà D không đồng ý mà giật các tờ

biên nhận xé nên có báo ban ấp T2, xã TT mời làm việc phía bà D có viết lại biên nhận mới cho bà T đối với số tiền vốn vay là 190.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Thuý B trình bày: bà Nguyễn Thị Bạch T là chị dâu của bà, bà U là cháu ruột, vợ chồng ông Bùi Quan V và bà Võ Thùy D chỉ quen biết không dòng họ gì. Bà không nhớ thời gian cụ thể chỉ nhớ vào khoảng năm 2016 do tin tưởng cháu U nên có đưa cho cháu U để cho bà D vay nhiều lần, mức lãi suất 2% đến 3%, bà chỉ đưa tiền cho cháu U đưa cho bà D vay mượn, chứ không trực tiếp cho bà D. Bà D vay của bà nhiều lần với tổng cộng số tiền 380.000.000 đồng và có trả lần lượt nhiều lần còn lại số tiền 295.000.000 đồng phía bà D có làm tờ biên nhận nợ cho bà. Đến ngày 08/8/2017 bà D có trả số tiền 105.000.000 đồng cho bà U trả cho bà và nói bà D đã hốt dây hụi 5.000.000 đồng để trả cho bà, còn lại số tiền vốn là 190.000.000 đồng bà D có làm lại tờ biên nhận cho bà và cho đến ngày 08/11/2018 bà D đã trả đủ số tiền còn thiếu nên bà không còn liên quan trong vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số:108/2022/DS-ST ngày 03/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện PT đã xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 147; Điều 228; Điều 271; khoản 1, Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bạch T đối với bà Võ Thùy D và ông Bùi Quan V.

Buộc bà Võ Thùy D và ông Bùi Quan V cùng liên đới chịu trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Bạch T tổng cộng số tiền vốn vay và lãi là 267.267.000 đồng (trong đó số tiền vốn vay là 190.000.000 đồng và tiền lãi 77.267.000 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 1%/tháng đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2021/QĐ-BPKCTT, ngày 24/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang để đảm bảo thi hành án.

Hủy quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 09/2021/QĐ-BPBD, ngày 23/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang, hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bạch T số tiền bảo đảm là 2.000.000 đồng theo giấy nộp tiền ngày 23/11/2021 đã nộp vào tài khoản phong tỏa của bà Nguyễn Thị Bạch T tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – chi nhánh PT (Viettinbank). Địa chỉ: ấp T1 (nay là khóm T1), thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang theo số tài khoản 100874594748 khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Võ Thùy D và ông Bùi Quan V cùng chịu án phí 13.363.350 đồng.
- Bà Nguyễn Thị Bạch T không phải chịu án phí và thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng án phí và án phí theo quy định.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về quyền kháng cáo; thời hạn thi hành án dân sự của các đương sự.

Ngày 13/6/2022, bị đơn bà Võ Thùy D, ông Bùi Quan V kháng cáo yêu cầu xem xét trách nhiệm buộc liên đới của ông Bùi Quan Vi;

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn ông V giữ nguyên nội dung kháng cáo; bị đơn bà D xin rút lại yêu cầu kháng cáo xem xét lỗi suất; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án; và cam kết không cung cấp chứng cứ mới tại giai đoạn phúc thẩm.

Nguyên đơn phát biểu ý kiến, chấp nhận theo bản án sơ thẩm, không ý kiến gì thêm;

Bị đơn ông V phát biểu ý kiến, ngay từ đầu nguyên đơn không cho ông biết việc vay tiền, vợ chồng ông việc ai nấy làm, không xài tiền chung; nếu buộc ông gánh luôn tiền nợ cho vợ thì kinh tế gia đình ông kiệt quệ vì ông còn phải lo cho con ăn học.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự là đúng quy định của pháp luật;
- Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ, qua trình bày của các đương sự tại phiên tòa; xét thấy, cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả vốn, lãi tổng cộng: 267.267.000 đồng là có căn cứ; tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn không có chứng cứ gì mới cho yêu cầu kháng cáo của mình; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà D, ông V; giữ nguyên Bản án sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Bà Võ Thùy D, ông Bùi Quan V nộp đơn kháng cáo hợp lệ, được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thúy U, bà Thúy B vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 của Bộ Luật tố tụng Dân sự xét xử theo thủ tục chung.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Võ Thùy D, ông Bùi Quan V thì thấy;

[3.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà D thừa nhận có vay mượn tiền của nguyên đơn và còn thiếu 190.000.000 đồng; yêu cầu xem xét lại tiền lãi suất; nhưng sau khi Hội đồng xét xử phân tích chứng cứ cho rằng cấp sơ thẩm tính là phù hợp với pháp luật; thì bà D đồng ý xin rút lại yêu cầu xem xét tiền lãi suất; đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền còn thiếu là 190.000.000đ và lãi suất 77.267.000đ;

[3.2] Xét kháng cáo của ông Bùi Quan V, bà Võ Thùy D về trách nhiệm liên đới thì thấy; mặc dù biên nhận nợ do bà D ký nhận, nhưng bà D mượn tiền vào mục đích dùng sinh hoạt thiết yếu của gia đình như: Kinh doanh nguyên liệu may mặc; xây dựng nhà gia đình; lo kinh tế gia đình và sử dụng đáo nợ Ngân hàng; căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình: Trách nhiệm liên đới của vợ chồng; cấp sơ thẩm xét xử là phù hợp với pháp luật;

[3.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông V cho rằng từ lâu ông không biết gì; công việc của ai nấy làm nên ông không biết; hiện nay, ba mẹ vợ trên 70 tuổi đang lâm bệnh nếu gánh luôn trách nhiệm cho vợ thì kinh tế gia đình kiệt quệ là không có cơ sở chấp nhận bởi lẽ, trong thời gian dài cùng sống chung gia đình; cùng nuôi dạy con ăn học; các sinh hoạt gia đình mà không biết việc làm của nhau là không đúng Luật Hôn nhân và Gia đình “Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc của gia đình”.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông V không cung cấp chứng cứ cho yêu cầu kháng cáo của mình; Hội đồng xét xử không chấp nhận, giữ y án sơ thẩm như đề nghị của Viện kiểm sát;

Tuy nhiên, do có tranh chấp về tiền lãi suất nên cấp sơ thẩm tuyên “kể từ ngày có đơn yêu cầu thì hành án.....” với lãi suất chậm trả 1% là chưa phù hợp pháp luật cần điều chỉnh lại;

Các phần còn lại của quyết định Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giữ nguyên.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Thùy D, ông Bùi Quan V kháng cáo không được chấp nhận, phải chịu án phí theo luật định;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; khoản 1 điều 148; điều 296 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Quan V và bà Võ Thùy D về trách nhiệm liên đới;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bạch T đối với bà Võ Thùy D và ông Bùi Quan V.

Buộc bà Võ Thùy D và ông Bùi Quan V cùng liên đới chịu trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Bạch T tổng cộng số tiền vốn vay và lãi là 267.267.000 đồng (trong đó số tiền vốn vay là 190.000.000 đồng và tiền lãi 77.267.000 đồng).

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2021/QĐ-BPKCTT, ngày 24/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang để đảm bảo thi hành án.

Hủy quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 09/2021/QĐ-BPBD, ngày 23/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang, hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bạch T số tiền bảo đảm là 2.000.000 đồng theo giấy nộp tiền ngày 23/11/2021 đã nộp vào tài khoản phong tỏa của bà Nguyễn Thị Bạch T tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – chi nhánh Phú Tân (Viettinbank). Địa chỉ: ấp T1 (nay là khóm T1), thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang theo số tài khoản 100874594748 khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Võ Thùy D và ông Bùi Quan V cùng chịu án phí 13.363.350 đồng.
- Bà Nguyễn Thị Bạch T không phải chịu án phí và thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng án phí và án phí theo quy định.

Về án phí phúc thẩm: Bà D, ông V mỗi người phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005163 (bà D) và biên lai thu số 0005164 (ông V) cùng ngày 17/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện PT, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Nơi nhận: THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TANDTC (1)
- VKSND.AG (1)
- TAND huyện (1)
- THA huyện(1).
- Toà Dân sự (2)
- Văn phòng.(1)
- Phòng KTNV & THA (1)
- Đường sự “ Đề thi hành ”
- Lưu: HS.

Nguyễn Văn Sơn